

**BÁO CÁO****CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2017 VÀ NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2018**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2**

**A. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY****1. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty**

Đầu tư xây lắp công trình thủy điện vừa và nhỏ, sản xuất kinh doanh điện thương phẩm; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình điện; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng và văn phòng cho thuê; Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng; Dịch vụ tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát...

**2. Vốn điều lệ của Công ty**

- Vốn điều lệ của Công ty đăng ký là: 420 tỷ đồng
- Vốn điều lệ đã góp là: 152,46 tỷ đồng

**3. Bộ máy quản lý, điều hành của Công ty hiện nay****3.1. Hội đồng quản trị:**

- |                       |  |
|-----------------------|--|
| - Ông Mai Huy Tuấn    | - Chủ tịch HĐQT Công ty  |
| - Ông Lê Viết Đoàn    | - Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 29/06/2017)                           |
| - Ông Khương Đức Dũng | - Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 29/06/2017)                             |
| - Ông Nguyễn Văn Bút  | - Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 29/06/2017)                           |
| - Ông Hoàng Minh Long | - Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 29/06/2017; miễn nhiệm ngày 06/12/2017) |
| - Ông Trịnh Khải      | - Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 29/06/2017)                           |
| - Ông Nguyễn Văn Hải  | - Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 29/06/2017; miễn nhiệm ngày 06/12/2017) |
| - Ông Trần Văn Huyền  | - Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 06/12/2017)                             |
| - Ông Nguyễn Văn Đại  | - Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 31/01/2018)                           |
| - Ông Đỗ Quang Lợi    | - Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 31/01/2018)                             |
| - Ông Phạm Sỹ Long    | - Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 31/01/2018)                             |

**3.2. Ban kiểm soát:**

- |                         |  |
|-------------------------|--|
| - Ông Nguyễn Văn Thiện  | - Trưởng Ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 31/1/2018) |
| - Bà Trương Thị Kim Hòa | - Thành viên Ban kiểm soát                         |
| - Ông Đặng Quang Hiệu   | - Thành viên BKS (miễn nhiệm ngày 31/1/2018)       |
| - Ông Lê Biên Cường     | - Trưởng ban BKS (Bổ nhiệm ngày 31/1/2018)         |

- Ông Nguyễn Như Tâm - Thành viên ban BKS (Bổ nhiệm ngày 31/1/2018)

### **3.3. Ban tổng giám đốc:**

- Ông Lê Viết Đoàn - Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 26/4/2017)
- Ông Khương Đức Dũng - Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 26/4/2017, miễn nhiệm ngày 05/03/2018)
- Ông Nguyễn Văn Minh - Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 05/3/2018, miễn nhiệm ngày 01/04/2018)
- Ông Vương Thanh Tùng - Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 02/04/2018)
- Ông Nguyễn Khả Lộc - Phó Tổng giám đốc
- Ông Phạm Sỹ Long - Phó Tổng giám đốc bổ nhiệm ngày (05/04/2018)

### **3.4. Các phòng nghiệp vụ Công ty:**

- Văn Phòng Công ty;
- Phòng Tài chính kế toán;
- Phòng Kinh tế Kỹ thuật
- Nhà máy thủy điện Sử Pán 2.

Tổng số CBCNV Công ty đến ngày 31/12/2017 là: 58 người, đến ngày 30/04/2018 là: 34 người.

## **B. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, SXKD NĂM 2017**

### **I/ ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Với mục tiêu và kế hoạch năm 2017 đã thực hiện, tập thể CBCNV Công ty cổ phần thủy điện Sử Pán 2 đã nỗ lực phát huy kinh nghiệm, năng lực của mình để hoàn thành toàn bộ các kế hoạch nhiệm vụ và mục tiêu đã đề ra. Bên cạnh những thuận lợi tích cực cũng có không ít khó khăn mà Công ty đã vượt qua.

#### **Thuận lợi:**

- Tập thể cán bộ công nhân viên Công ty đoàn kết, thống nhất đặc biệt là Đội ngũ cán bộ công nhân viên trẻ sau thời gian làm việc nâng cao năng lực và kinh nghiệm, đã phát huy được sự năng động và sáng tạo trong lao động góp phần mang lại thành tích chung của đơn vị.
- Được sự quan tâm giúp đỡ của HĐQT; BKS và Các cơ quan ban ngành và chính quyền địa phương.
- Nhà máy đã đi vào hoạt động ổn định từ năm 2012 đến nay;
- Điều kiện thời tiết thuận lợi dẫn đến lưu lượng nước về hồ lớn.

#### **Khó khăn:**

Công ty đang hoạt động trong điều kiện kinh doanh còn nhiều khó khăn, đặc biệt là vấn đề tìm nhà đầu tư có năng lực tài chính tham gia góp vốn đảm bảo đủ nguồn vốn chủ sở hữu để thanh toán công nợ cho các nhà thầu đã thi công trình thủy điện Sử Pán 2.

Trong những thuận lợi và khó khăn như vậy bằng sự nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ công nhân viên toàn Công ty dưới sự chỉ đạo của HĐQT công ty và sự quan tâm tạo điều kiện của các cơ quan ban ngành, tập thể cán bộ công nhân viên Công ty cổ phần thủy điện Sử Pán 2 đã đạt được các mục tiêu chính mà kế hoạch đã đề ra cụ thể như sau:





## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN SXKD NĂM 2017:

### 1. Các chỉ tiêu chính:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2017			Ghi chú
			KH	TH	HT%	
<b>I</b>	<b>Sản lượng điện</b>					
-	Sản lượng điện đầu cực	10 <sup>6</sup> kWh	140,55	156,82		
-	Sản lượng điện thương phẩm	10 <sup>6</sup> kWh	138,44	154,46	111,6%	
<b>II</b>	<b>Chỉ tiêu tài chính</b>					
<b>1</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>10<sup>6</sup>đồng</b>	<b>131.606</b>	<b>142.621</b>	<b>108,4%</b>	
-	SXKD điện	10 <sup>6</sup> đồng	131.562	140.785	107%	
-	Hoạt động tài chính	10 <sup>6</sup> đồng	43	17		
-	Doanh thu cho thuê đường dây 110kV Sử Pán 2 - Tầng Loỏng	10 <sup>6</sup> đồng		1.818		
<b>2</b>	<b>Chi phí</b>	<b>10<sup>6</sup>đồng</b>	<b>155.139</b>	<b>157.099</b>	<b>101,3%</b>	
-	Chi phí sản xuất điện	10 <sup>6</sup> đồng	83.825	88.168		
	Chi phí O&M	10 <sup>6</sup> đồng	13.580	15.125		
	Thuế tài nguyên	10 <sup>6</sup> đồng	11.228	12.565		
	Phí dịch vụ môi trường rừng	10 <sup>6</sup> đồng	2.769	3.212		
	Khấu hao	10 <sup>6</sup> đồng	50.988	47.711		
	Chi phí khác bổ sung, phát sinh	10 <sup>6</sup> đồng	5.261	9.555		
-	Chi phí hoạt động tài chính (lấy vay)	10 <sup>6</sup> đồng	71.314	68.930		
<b>3</b>	<b>Phải nộp nhà nước</b>	<b>10<sup>6</sup>đồng</b>	<b>27.914</b>	<b>29.653</b>	<b>106,2</b>	
<b>4</b>	<b>Lợi nhuận</b>	<b>10<sup>6</sup>đồng</b>	<b>-23.534</b>	<b>-15,662</b>		
<b>5</b>	<b>Tổng tài sản</b>	<b>10<sup>6</sup>đồng</b>	<b>947.263</b>	<b>948.267</b>		
<b>6</b>	<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>10<sup>6</sup>đồng</b>	<b>1.036.881</b>	<b>1.053.547</b>		

### 2. Các công tác chính khác:

- Công tác vận hành nhà máy đạt hiệu quả tốt, tổng sản lượng phát điện cao nhất từ khi vận hành cho đến nay đạt: 154,46/138,44 tr.kWh, đạt 111,6%.
- Công tác đại tu, sửa chữa, bảo dưỡng tại nhà máy: Luôn đáp ứng tiến độ, giải quyết nhanh chóng, kịp thời các sự cố, đảm bảo thiết bị luôn sẵn sàng, vận hành an toàn ổn định đặc biệt là Sau khi đại tu, các tổ máy đã đáp ứng được đúng các thông số kỹ thuật của nhà chế tạo và các điều kiện vận hành thực tế của nhà máy. Đảm bảo chất lượng theo đúng tiêu chuẩn của quy định hiện hành.
- Công tác PCLB tại nhà máy:  
Năm 2017, thời biến diễn biến thất thường mưa lũ kéo dài, nhưng nhờ thực hiện tốt công tác chuẩn bị, luôn chủ động, sẵn sàng trong công tác Phòng chống lụt bão đảm bảo an toàn các hạng mục công trình.
- Công tác quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án nhà máy thủy điện Sử Pán 2: Năm 2017 Công ty đã phối hợp với các đơn vị liên quan hoàn thành Hồ sơ quyết toán và ngày 31/01/2018, Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty cổ phần thủy điện Sử Pán 2 đã thông qua Quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án thủy điện Sử Pán và



ngày 06/02/2018, HĐQT Công ty đã có Nghị quyết số 03/SP2-HĐQT về việc phê duyệt Quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án thủy điện Sứ Pán 2.

- Về việc khai thác, sử dụng tuyến đường dây 110kV Sứ Pán 2 - Tầng Loong: Công ty đã ký kết hợp đồng để Công ty CP XD & TM 299 thuê tuyến đường dây 110kV, với giá trị là 30 tỷ đồng.
- Công tác đảm bảo an toàn tuyến đường ống áp lực: Công ty đã phối hợp với Các đơn vị Tư vấn để đưa ra các giải pháp xử lý an toàn cho tuyến ống áp lực nhà máy thủy điện Sứ Pán 2.

### **3. Đánh giá kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh trong năm 2017:**

#### **3.1. Những mặt làm được:**

- Năm 2017, bên cạnh tình hình thủy văn thuận lợi, nước về tốt, Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp linh hoạt, các tổ máy luôn được đảm bảo trong tình trạng hoạt động ổn định, an toàn mang lại hiệu quả cao trong công tác vận hành phát điện, đồng thời luôn đảm bảo an toàn cho người và thiết bị trong quá trình vận hành nhà máy.
- Công ty đã tạo được mối quan hệ tốt với Trung tâm điều độ Quốc gia (A0), bởi vậy đảm bảo được kế hoạch phát điện tốt cho nhà máy, hạn chế thời gian ngừng phát điện đặc biệt là vào mùa mưa.
- Hoàn thành việc sửa chữa, Đại tu các tổ máy đưa vào hoạt động ổn định.
- Đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ đối với người lao động...

#### **3.2. Những mặt chưa làm được:**

- Chưa điều chỉnh được giá bán điện của nhà máy thủy điện Sứ Pán 2 do chưa hoàn thành công tác quyết toán vốn đầu tư.
- Chưa thu hồi được số tiền đền bù từ dự án thủy điện Nậm Toóng (17,5 tỷ đồng): Do Ngày 23/10/2017 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã ban hành Quyết định số 43/QĐKNGĐT-VKS-DS tạm đình chỉ thi hành án tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 03/2014QĐST-DS ngày 05/11/2014 của Tòa án nhân dân huyện Sa Pa.
- Chưa hoàn thành công tác thoái vốn tại Công ty cổ phần xây lắp Sông Đà Hoàng Liên để thu hồi vốn đã đầu tư.
- Chưa điều chỉnh được lãi suất với các tổ chức tín dụng.

## **C. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2017**

### **1. Đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị năm 2017.**

Năm 2017 Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của luật pháp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; đảm bảo quyền lợi, lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông của Công ty, thực hiện tốt công tác kiểm tra giám sát Ban Tổng giám đốc và bộ máy điều hành trong công tác sản xuất kinh doanh. Định kỳ triệu tập các cuộc họp để xem xét kết quả thực hiện nhiệm vụ và Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty đồng thời đề ra nhiệm vụ và các công việc cần thực hiện trong thời gian tiếp theo. Tại các kỳ họp các thành viên đã tập trung phân tích đánh giá, kiểm điểm các nguyên nhân khách quan, chủ quan, những việc đã thực hiện, chưa thực hiện được và đưa ra những chỉ đạo quyết



liệt nhằm đảm bảo mục tiêu kế hoạch SXKD của đơn vị cũng như nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao cho. Trong năm tài chính 2017, dưới sự chỉ đạo của HĐQT công tác điều hành đã có nhiều chuyển biến tích cực, các nhiệm vụ của đại hội đồng cổ đông đề ra đều đạt và vượt kế hoạch.

Trong năm 2017, HĐQT Công ty đã ban hành 32 Nghị quyết và 02 Quyết định để tạo điều kiện cho công tác quản lý điều hành công việc của Công ty. Việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT luôn tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT có tính thực thi cao và được Tổng giám đốc tổ chức triển khai thực hiện một cách nghiêm túc.

## **2. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và bộ máy điều hành.**

- Hội đồng quản trị Công ty luôn sát sao chỉ đạo Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, Quy chế, Quy định quản lý nội bộ của Công ty cũng như các Nghị quyết, Quyết định của Công ty đã đề ra.
- Giám sát trước khi thực hiện: HĐQT đã ban hành các chỉ thị, Nghị quyết, Quyết định để chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện kế hoạch SXKD theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ; Rà soát, bổ sung, hoàn thiện ban hành và chỉ đạo thực hiện đồng bộ các Quy chế, Quy định quản lý nội bộ của Công ty;
- Giám sát trong quá trình thực hiện: Định kỳ hàng tháng, quý hoặc đột xuất Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Thành viên HĐQT dự các cuộc họp với Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty để kiểm điểm kết quả thực hiện kế hoạch SXKD, các hoạt động của Công ty;
- Kiểm tra, giám sát việc chi trả lương cho người lao động; thực hiện nộp các loại thuế, nộp BHXH và BHYT đảm bảo về thời gian theo quy định;
- Giám sát sau quá trình thực hiện: Giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc, các phòng nghiệp vụ Công ty thông qua việc kiểm tra, kiểm soát hằng quý của Ban kiểm soát nội bộ Công ty;

Việc kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị Công ty thực hiện đúng thẩm quyền, không gây cản trở đến việc điều hành của Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành của Công ty. Qua kiểm tra, giám sát Hội đồng quản trị đã nắm bắt được diễn biến hoạt động, kết quả thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty trong từng giai đoạn để có biện pháp chỉ đạo kịp thời và xử lý từng trường hợp cụ thể.

Năm 2017, Hội đồng quản trị chỉ đạo Tổng Giám đốc Công ty và bộ máy điều hành Công ty giải quyết được một số vướng mắc về công tác Quyết toán công trình thủy điện Sứ Pán 2; việc kiện toàn, sắp xếp công việc của đơn vị, các phòng nghiệp vụ của Công ty và việc bố trí, sử dụng cán bộ hợp lý, định biên khung bộ máy gián tiếp toàn Công ty.

## **3. Công tác tổ chức, cán bộ thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.**

### **3.1 Công tác tổ chức:**

- Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 Công ty;
- Chỉ đạo ban Tổng giám đốc Công ty tiến hành định biên tổ chức các Phòng nghiệp vụ đáp ứng các công việc và phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty.

455  
CP  
IEN  
N 2  
T.LP



- Tiếp tục duy trì ổn định tổ chức, cân đối lực lượng lao động nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh và tăng cao hiệu quả hoạt động.

### 3.2. Công tác cán bộ:

Hội đồng quản trị Công ty đã kiện toàn bộ máy quản lý Công ty: Thay đổi chức danh Tổng giám đốc.

### 4. Tồn tại của Hội đồng quản trị

Chưa hoàn thành việc điều chỉnh giá bán điện của nhà máy thủy điện Sử Pán 2 do công tác quyết toán vốn đầu tư của dự án thủy điện Sử Pán 2 chưa hoàn thành trong năm 2017.

## D. KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2018

### 1. Nhiệm vụ của năm 2018:

#### 1.1. Công tác Sản xuất kinh doanh - Nhà máy thủy điện Sử Pán 2:

- Sản xuất điện năng: 149,1 triệu kWh.
- Doanh thu trước thuế: 221,494 tỷ đồng
- + Doanh thu sản xuất điện: 151,379 tỷ đồng
- + Doanh thu khác: 70,115 tỷ đồng
  - Doanh thu Hoạt động tài chính: 0,043 tỷ đồng
  - Doanh thu từ việc hồi tố giá bán điện: 70,075 tỷ đồng
- Chi phí Sản xuất kinh doanh: 142,122 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 79,372 tỷ đồng.

#### 1.2. Công tác đầu tư: Dự án thủy điện Sử Pán 3:

Đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Sử Pán 3 (bậc dưới thủy điện Sử Pán 2) công suất 3,2MW tại Thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai.

- Hoàn thành các thủ tục trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đầu tư dự án nhà máy thủy điện Sử Pán 3 với công suất 3,2MW.
- Hoàn thành công tác chuẩn bị thực hiện đầu tư.
- Khởi công xây dựng nhà máy dự kiến vào quý IV/2018.
- Kế hoạch chi phí đầu tư năm 2018 dự kiến: 10 tỷ đồng.

### 2. Các nhiệm vụ chủ yếu và giải pháp thực hiện:

#### a. Công tác vận hành, sửa chữa bảo dưỡng nhà máy:

- Vận hành an toàn, hiệu quả nhà máy thủy điện Sử Pán 2.
- Vận hành nhà máy, sửa chữa bảo dưỡng đúng quy trình an toàn. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra tình trạng vận hành của máy móc thiết bị ; Đồng thời chuẩn bị đầy đủ các vật tư, thiết bị dự phòng cho việc thay thế khắc phục sự cố, hư hỏng (nếu có) nhằm giảm thiểu thời gian ngừng nghỉ máy.
- Duy trì và đẩy mạnh mối quan hệ với Tập đoàn điện lực Việt Nam để điều tiết và khai thác tối đa nguồn nước cho phát điện.
- Tuân thủ quy trình vận hành hồ chứa, phương án phòng chống thiên tai và đảm bảo an toàn đập đã được Bộ Công thương phê duyệt.
- Tổ chức Khảo sát, đánh giá mức độ an toàn của hạng mục đường ống áp lực nhà máy thủy điện Sử Pán 2 để xử lý đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành.



*b. Công tác Kinh tế - tài chính:*

- Hoàn thành việc điều chỉnh giá bán điện của nhà máy thủy điện Sử Pán 2. Dự kiến trong quý II/2018.
- Tiếp tục làm việc với các tổ chức tín dụng để giảm lãi suất các khoản vay và gia hạn giãn tiến độ trả nợ. Lập kế hoạch và chủ động tìm nguồn trả nợ các tổ chức tín dụng đúng hạn.
- Tiếp tục thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến việc thu hồi tiền bồi thường từ Công ty TNHH MTV TĐ SaPa.
- Hoàn thành các thủ tục để chuyển giao đường dây 110kV Sử Pán 2 - Tăng Loỏng cho EVN quản lý vận hành.
- Hoàn thành công tác chuyển nhượng dự án Làng Sông Đà - Hoàng Liên để thu hồi giá trị đã đầu tư.
- Hoàn thành công tác thoái vốn tại Công ty cổ phần xây lắp Sông Đà Hoàng Liên để thu hồi vốn đã đầu tư.
- Tăng vốn điều lệ nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn chủ sở hữu thanh toán cho các nhà thầu tham gia thi công dự án thủy điện Sử Pán 2 và đầu tư Dự án thủy điện Sử Pán 3 nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

*d. Công tác tổ chức nhân sự:*

- Xây dựng, sửa đổi, bổ sung các Quy chế, Quy định quản lý nội bộ của Công ty theo đúng các quy định của nhà nước và tình hình thực tế của Công ty.
- Rà soát, tổ chức sắp xếp lại bộ máy tổ chức, đào tạo nâng cao trình độ năng lực để quản lý vận hành các nhà máy thủy điện.

Trên đây là Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty về tình hình thực hiện nhiệm vụ, Kế hoạch SXKD năm 2017 và Nhiệm vụ, Kế hoạch SXKD năm 2018 của Công ty. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty kính mong Quý vị cổ đông xem xét, đóng góp ý kiến để HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty tiếp tục lãnh đạo, quản lý điều hành Công ty hoạt động ngày càng đạt hiệu quả cao hơn.

***Trân trọng!***

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông;
- Các TV. HĐQT;
- Các TV. BKS;
- Lưu HĐQT, TCHC

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**MAI HUY TUẤN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2**

**Phụ lục 01**

**KẾ HOẠCH SXKD VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2018**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2018	Ghi chú
<b>A</b>	<b>KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2018</b>			
-	Sản lượng điện đầu cực	10 <sup>6</sup> Kwh	151.4	Phụ lục 02
-	Sản lượng điện thương phẩm	10 <sup>6</sup> Kwh	149.1	Phụ lục 02
	<b>Sản xuất kinh doanh</b>	<b>10<sup>6</sup> đ</b>	<b>243,643</b>	
<b>I</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>10<sup>6</sup> đ</b>	<b>221,494</b>	
	- Sản xuất điện	10 <sup>6</sup> đ	151,379	Phụ lục 02
	- Hoạt động tài chính	10 <sup>6</sup> đ	43	
	- Doanh thu từ việc hồi tố giá bán điện	10 <sup>6</sup> đ	70,072	Phụ lục 10
*	<i>Thuế GTGT</i>	<i>10<sup>6</sup> đ</i>	<i>22,149</i>	
<b>II</b>	<b>Giá thành toàn bộ</b>	<b>10<sup>6</sup> đ</b>	<b>142,122</b>	
	- Sản xuất điện	10 <sup>6</sup> đ	77,055	
	+ Chi phí O&M	10 <sup>6</sup> đ	18,589	Phụ lục 06
	+ Thuế tài nguyên nước	10 <sup>6</sup> đ	12,832	
	+ Thuế môi trường rừng	10 <sup>6</sup> đ	5,369	
	+ Khấu hao	10 <sup>6</sup> đ	38,920	Phụ lục 03
	+ Chi phí đại tu các tổ máy (phân bổ)	10 <sup>6</sup> đ	1,344	
	- Hoạt động tài chính (lấy vay)	10 <sup>6</sup> đ	65,067	
	+ Lấy vay dài hạn	10 <sup>6</sup> đ	62,597	Phụ lục 04
	+ Lãi vay Tổng công ty Sông Đà	10 <sup>6</sup> đ	2,470	Phụ lục 05
<b>III</b>	<b>Lợi nhuận</b>			
<b>1</b>	<b>Mức lợi nhuận</b>	<b>10<sup>6</sup> đ</b>	<b>79,372</b>	
	- Sản xuất điện	10 <sup>6</sup> đ	74,323	
	- Hoạt động tài chính	10 <sup>6</sup> đ	-65,024	
	- Hoạt động khác	10 <sup>6</sup> đ	70,072	
<b>2</b>	<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>			
	- Lợi nhuận/ doanh thu	%	0.358	
	- Lợi nhuận/ vốn chủ sở hữu	%	-3.064	
	- Lợi nhuận/ vốn điều lệ	%	0.521	
<b>IV</b>	<b>Phải nộp Nhà nước</b>	<b>10<sup>6</sup> đ</b>	<b>37,474</b>	
	- Thuế GTGT phải nộp	10 <sup>6</sup> đ	18,849	
	+ Thuế GTGT đầu ra	10 <sup>6</sup> đ	22,149	
	+ Thuế GTGT đầu vào	10 <sup>6</sup> đ	3,300	
	- Thuế tài nguyên	10 <sup>6</sup> đ	12,832	
	- Phí môi trường rừng	10 <sup>6</sup> đ	5,369	
	- Phải nộp khác (BHXH, BHYT, TN, CĐ)	10 <sup>6</sup> đ	423	
<b>V</b>	<b>Tiền lương và thu nhập</b>			
1	CBCNV đến cuối kỳ	Người	34	
2	CBCNV bình quân	Người	34	
3	Tổng quỹ lương phải trả	10 <sup>6</sup> đ	5,567	
<b>VI</b>	<b>Tài sản cố định và khấu hao</b>			
1	Nguyên giá TSCĐ BQ cần tính KH	10 <sup>6</sup> đ	1,154,560	

330  
CÔNG THỨC  
SỬ DỤNG



TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2018	Ghi chú
2	Số tiền khấu hao	10 <sup>6</sup> đ	38,920	
3	Tỷ lệ khấu hao	%	3.4	
4	Nguyên giá TSCĐ đầu kỳ	10 <sup>6</sup> đ	1,154,560	
5	Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ	10 <sup>6</sup> đ	1,154,560	
6	Giá trị còn lại cuối kỳ	10 <sup>6</sup> đ	823,273	
<b>VII</b>	<b>Vốn kinh doanh đến cuối kỳ</b>	<b>10<sup>6</sup> đ</b>	<b>614,280</b>	
<b>1</b>	<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>10<sup>6</sup> đ</b>	<b>-25,908</b>	
	Vốn điều lệ	10 <sup>6</sup> đ	152,460	
	Cổ phiếu quỹ	10 <sup>6</sup> đ	-2,522	
	Lợi nhuận chưa phân phối	10 <sup>6</sup> đ	-175,846	
<b>2</b>	<b>Nguồn vốn vay</b>	<b>10<sup>6</sup> đ</b>	<b>640,188</b>	
	Vay ngắn hạn Tổng công ty	10 <sup>6</sup> đ	15,000	
	Lãi nhập gốc Tổng công ty	10 <sup>6</sup> đ	19,123	
	Vay dài hạn	10 <sup>6</sup> đ	606,065	
<b>VIII</b>	<b>Tổng tài sản</b>	<b>10<sup>6</sup> đ</b>	<b>843,366</b>	
<b>IX</b>	<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>10<sup>6</sup> đ</b>	<b>941,570</b>	
<b>B</b>	<b>KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2018</b>	<b>10<sup>6</sup> đ</b>	<b>10,000</b>	
	Đầu tư dự án thủy điện Sử Pán 3	10 <sup>6</sup> đ	10,000	

022

IG 1  
UY  
P

SA F

**Phụ lục 02**  
**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT ĐIỆN NĂM 2018**

Tháng	KH sản lượng 2018		Đơn giá				Doanh thu	Thuế VAT	Thuế TNN	Phí MTR	Tiền thu được từ EVN
	Đầu cực	Thương phẩm	Giá gốc	Thuế TNN	Phí MTR	Cộng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Quý I	21,184,638	20,866,868					19,891,185,419	1,989,118,542	1,795,228,821	751,207,248	21,880,303,961
1	7,658,904	7,544,020	831.21	86.03	36.00	953.24	7,191,280,485	719,128,048	649,030,901	271,584,720	7,910,408,533
2	4,868,706	4,795,675	831.21	86.03	36.00	953.24	4,571,441,226	457,144,123	412,583,909	172,644,300	5,028,585,349
3	8,657,028	8,527,173	831.21	86.03	36.00	953.24	8,128,463,708	812,846,371	733,614,011	306,978,228	8,941,310,079
Quý II	35,635,905	35,101,366					33,460,113,879	3,346,011,388	3,019,858,270	1,263,649,176	36,806,125,267
4	11,131,056	10,964,090	831.21	86.03	36.00	953.24	10,451,436,562	1,045,143,656	943,268,073	394,707,240	11,496,580,218
5	8,686,168	8,555,875	831.21	86.03	36.00	953.24	8,155,823,675	815,582,367	736,083,316	308,011,500	8,971,406,042
6	15,818,681	15,581,401	831.21	86.03	36.00	953.24	14,852,853,643	1,485,285,364	1,340,506,882	560,930,436	16,338,139,007
Quý III	64,163,914	63,201,455					66,489,984,707	6,061,404,874	5,437,379,177	2,275,252,380	66,675,453,611
7	22,368,359	22,032,834	930.00	86.03	36.00	1,052.03	23,179,257,435	2,113,083,115	1,895,539,791	793,182,024	23,243,914,263
8	21,504,385	21,181,819	930.00	86.03	36.00	1,052.03	22,283,961,997	2,031,465,588	1,822,324,843	762,545,484	22,346,121,464
9	20,291,170	19,986,802	930.00	86.03	36.00	1,052.03	21,026,765,275	1,916,856,171	1,719,514,543	719,524,872	21,085,417,885
Quý IV	30,434,000	29,977,490					31,537,293,748	3,007,087,288	2,579,038,408	1,079,189,640	33,077,960,167
10	14,238,000	14,024,430	930.00	86.03	36.00	1,052.03	14,754,156,154	1,406,811,750	1,206,556,774	504,879,480	15,474,929,252
11	10,261,000	10,107,085	930.00	86.03	36.00	1,052.03	10,632,981,900	1,013,856,958	869,537,790	363,855,060	11,152,426,539
12	5,935,000	5,845,975	930.00	86.03	36.00	1,052.03	6,150,155,694	586,418,580	502,943,844	210,455,100	6,450,604,376
III	Tổng cộng										
Cộng	151,418,456	149,147,179					151,378,577,754	14,403,622,092	12,831,504,677	5,369,298,444	158,439,843,007





## BẢNG TÍNH LÃI VAY DÀI HẠN NĂM 2018

Số TT	Nội dung	Từ ngày	Đến ngày	Số ngày tính lãi	Số tiền tính lãi	Lãi suất	Thành tiền
Quý I	Phải trả BIDV	1/1/2018	3/31/2018	89	302,495,000,000	9.70%	7,154,628,315
	Phải trả PVFC	1/1/2018	3/31/2018	89	315,470,000,000	9.70%	7,461,513,726
	Phải trả BLC	1/1/2018	3/31/2018	89	32,475,000,000	12.00%	950,227,397
Quý II	Phải trả BIDV	3/31/2018	6/30/2018	91	302,849,000,000	9.70%	7,323,967,460
	Phải trả PVFC	3/31/2018	6/30/2018	91	310,683,000,000	9.70%	7,513,421,482
	Phải trả BLC	3/31/2018	6/30/2018	91	30,975,000,000	12.00%	926,704,110
Quý III	Phải trả BIDV	6/30/2018	9/30/2018	92	301,484,000,000	9.70%	7,371,077,304
	Phải trả PVFC	6/30/2018	9/30/2018	92	310,228,000,000	9.70%	7,584,862,115
	Phải trả BLC	6/30/2018	9/30/2018	92	30,475,000,000	12.00%	921,764,384
Quý IV	Phải trả BIDV	9/30/2018	12/31/2018	92	290,524,000,000	9.70%	7,103,112,811
	Phải trả PVFC	9/30/2018	12/31/2018	92	304,963,000,000	9.60%	7,379,269,085
	Phải trả BLC	9/30/2018	12/31/2018	92	29,975,000,000	12.00%	906,641,096
Tổng Cộng							62,597,189,285



## BẢNG TÍNH LÃI VAY TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ NĂM 2018

Số TT	Nội dung	Từ ngày	Đến ngày	Số ngày tính lãi	Số tiền tính lãi	Lãi suất	Thành tiền
Quý I	Phải trả tổng công ty món 15 tỷ	1/1/2018	31/03/2018	89	15,000,000,000	7.5%	278,125,000
	Phải trả Tổng công ty tiền dịch vụ	1/1/2018	31/03/2018	89	16,653,500,002	7.5%	308,783,646
Quý II	Phải trả tổng công ty món 15 tỷ	31/03/2018	30/6/2018	91	15,000,000,000	7.5%	284,375,000
	Phải trả Tổng công ty tiền dịch vụ	31/03/2018	30/6/2018	91	17,240,408,648	7.5%	326,849,414
Quý III	Phải trả tổng công ty món 15 tỷ	30/6/2018	30/9/2018	92	15,000,000,000	7.5%	287,500,000
	Phải trả Tổng công ty tiền dịch vụ	30/6/2018	30/9/2018	92	17,851,633,062	7.5%	342,156,300
Quý IV	Phải trả tổng công ty món 15 tỷ	30/9/2018	31/12/2018	92	15,000,000,000	7.5%	287,500,000
	Phải trả Tổng công ty tiền dịch vụ	30/9/2018	31/12/2018	92	18,481,289,362	7.5%	354,224,713
<b>Tổng Cộng</b>							<b>2,469,514,073</b>

## KẾ HOẠCH CHI PHÍ QUẢN LÝ, VẬN HÀNH NĂM 2018

STT	Nội dung chi phí	ĐV	KH năm 2018	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Chi phí tiền lương</b>	<b>Đồng</b>	<b>7,204,571,865</b>	
1	Chi phí tiền lương	Đồng	5,567,390,591	
2	Chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ	Đồng	423,458,954	
3	Thù lao HĐQT, BKS	Đồng	408,000,000	
4	Chi phí lương tháng 13	Đồng	429,000,000	
5	Lương lễ, tết, phép	Đồng	376,722,320	
<b>II</b>	<b>Chi phí phục vụ sản xuất</b>	<b>Đồng</b>	<b>2,154,084,540</b>	
1	Thuế môn bài	Đồng	4,000,000	
2	Chi phí điện tự dùng cho sản xuất	Đồng	586,000,000	
3	Hỗ trợ tiền lương người lao động nghỉ việc	Đồng	303,684,540	
4	Chi phí phục vụ sản xuất	Đồng	1,260,400,000	
-	Khoản chi phí điện thoại, Internet nhà máy SP2	Đồng	96,000,000	
-	Chi phí văn phòng phẩm nhà máy SP2	Đồng	35,000,000	
-	Khoản nhiên liệu xe giám đốc nhà máy SP2	Đồng	48,000,000	
-	Hỗ trợ tiền xăng xe CBCNV nhà máy Sử Pán 2	Đồng	81,600,000	
-	Khoản chi phí dọn vệ sinh văn phòng và nhà máy SP2	Đồng	12,000,000	
-	Nhiên liệu phục vụ cho máy phát nhà máy và khu điều hành	Đồng	1,200,000	
-	Chi phí giáo dục đào tạo	Đồng	47,300,000	
-	Tiền ăn ca	Đồng	240,140,000	
-	Chi phí công cụ dụng cụ	Đồng	86,000,000	
-	Trang thiết bị phương tiện phòng cháy chữa cháy	Đồng	20,000,000	
-	Bảo hộ lao động cho CNVH	Đồng	28,000,000	
-	Chi phí khám sức khỏe định kỳ	Đồng	28,000,000	
-	Chi phí quan trắc môi trường	Đồng	23,160,000	
-	Chi phí xử lý dầu thải	Đồng	15,000,000	
-	Cước thuê kênh phục vụ SCADA và thị trường điện và bảo dưỡng thiết bị	Đồng	365,000,000	
-	Chi phí sửa xe, máy móc thiết bị và thay lốp xe và chi khác	Đồng	45,000,000	
-	Chi phí làm hệ thống phao chắn rác trước cửa nhận nước	Đồng	75,000,000	
-	Chi phí mua bảo hiểm ô tô xe máy	Đồng	14,000,000	



STT	Nội dung chi phí	ĐV	KH năm 2018	Ghi chú
<b>III</b>	<b>CP quản lý, CP văn phòng</b>	<b>Đồng</b>	<b>1,335,750,000</b>	
1	Chi phí văn phòng phẩm + đồ dùng hành chính	Đồng	45,000,000	
2	Chi phí điện thoại, fax, internet	Đồng	96,000,000	
3	Chi phí tiếp khách, hội họp	Đồng	500,000,000	
4	Chi phí tổ chức đại hội thường niên	Đồng	90,000,000	
5	Tiền tàu xe, công tác phí	Đồng	60,000,000	
6	Chi phí phô tô in ấn tài liệu (phục vụ đàm phán giá điện và các CV khác)	Đồng	80,000,000	
7	Phí giao dịch ngân hàng và phí khác	Đồng	35,000,000	
8	Chi phí kiểm toán báo cáo tài chính	Đồng	90,000,000	
9	Chi phí xe con phục vụ	Đồng	198,250,000	
10	Chi phí mua bảo hiểm ô tô xe máy	Đồng	21,500,000	
11	Chi phí tiền điện văn phòng	Đồng	60,000,000	
12	Chi phí sửa xe, máy móc thiết bị và thay lốp xe	Đồng	60,000,000	
<b>IV</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>Đồng</b>	<b>7,895,088,256</b>	
1	Mua vật tư sửa chữa thay thế thường xuyên	Đồng	1,657,795,000	
2	Chi phí sửa chữa lớn thay hệ thống ắc quy	Đồng	416,000,000	
3	Chi phí lắp đặt hệ thống camera giám sát nhà máy	Đồng	307,620,500	
4	Xử lý gia cố nền móng đường ống ập lực	Đồng	1,507,525,000	
5	Chi phí xây dựng mốc quan trắc lún, ngang tuyến đường OAL	Đồng	477,377,000	
6	Chi phí bảo hiểm nhà máy SP2	Đồng	484,714,420	
7	Chi phí vận hành đường dây 110KV	Đồng	1,044,056,336	
8	Chi phí khác	Đồng	2,000,000,000	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>Đồng</b>	<b>18,589,494,661</b>	

330  
CƠ  
TH  
S  
N

## KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2018

Đơn vị tính: tr.đồng

TT	Nội dung hợp đồng	Tổng giá trị HĐ	LS năm (%)	Thời hạn vay	Dự nợ đến 31/12/2016	Ước Thực hiện năm 2017			Dự nợ ước đến 31/12/2017	Kế hoạch 2018			Dự nợ dự kiến đến 31/12/2018
						Số vay	Gốc	Số ước trả Lãi		Số vay	Gốc	Số trả Lãi	
1	BIDV và các ngân hàng đồng tài trợ	399,290	9.70%	13	328,265		22,099	17,343	306,166		23,184	19,435	282,982
2	Thương mại CP đại chúng	414,528	9.70%	13	340,918		22,946	18,008	317,972		24,072	20,478	293,900
3	Thuế mua tài chính	41,443	13%	13	34,119		2,294	1,616	31,825		2,642	2,630	29,183
	<b>Tổng cộng</b>	<b>855,261</b>			<b>703,302</b>	-	<b>47,339</b>	<b>36,967</b>	<b>655,963</b>	-	<b>49,898</b>	<b>42,543</b>	<b>606,065</b>



**DỰ TRỪ VẬT TƯ THIẾT BỊ CẢN THAY THẾ NĂM 2018**  
**NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2**

TT	TÊN GỌI	MÃ HIỆU	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	NƠI LẮP ĐẶT	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
I	Thiết bị điện							
1	Bình Aquí		400A/h	Bình	104	Thay Aquí	4,000,000	416,000,000
2	Bóng đèn cao áp trắng		400W/220VAC	Chiếc	12	CS nhà máy, Đ. Ó	250,000	3,000,000
3	Bóng đèn cao áp vàng		150W/220VAC	Chiếc	32	CS nhà máy, Đ. Ó	200,000	6,400,000
4	Bóng đèn compac	E 27	20W/220V	Chiếc	25	SC+buồng tuabin	45,000	1,125,000
5	Bóng đèn compac	E 27	85W/220V	Chiếc	20	Chiếu sáng nhà máy	250,000	5,000,000
6	Bóng đèn compac	E 40	85W/220V	Chiếc	20	Chiếu sáng nhà máy	250,000	5,000,000
7	Bóng đèn LED	40 w	1,2m/40/220V	Chiếc	6	CS P ĐKTT	320,000	1,920,000
8	Bộ nạp aquí		EEP-20A/220V	Bộ	8	Hệ thống nạp DC	50,000,000	400,000,000
9	Bộ tín hiệu điều khiển	DO 810	24VDC/1A	Bộ	2	LCU điều khiển	12,000,000	24,000,000
10	Bộ thu thập tín hiệu	DI 810	24VDC/1A	Bộ	2	LCU điều khiển	12,000,000	24,000,000
11	Bộ thu thập tín hiệu	AI 810	24VDC/1A	Bộ	2	LCU điều khiển	12,000,000	24,000,000
12	Bộ thu thập tín hiệu	TU 845	24VDC/1A	Bộ	3	LCU điều khiển	12,000,000	36,000,000
13	Bộ UPS	AHA-303R-DC220-PR	3KVA	Chiếc	2	Tủ UPS	40,000,000	80,000,000
14	Bơm nước chìm		80M3/h	Chiếc	1	Bơm nước rò rỉ	24,000,000	24,000,000
15	Cảm biến mực nước		MWP 242	Chiếc	3	Tủ LCU5	12,000,000	36,000,000
16	Cáp tín hiệu nhiệt độ		3x1,5	Mét	200	Thay thế cáp hỏng	30,000	6,000,000
17	Contacter	D6	6A/220V	Chiếc	10	MBA T1+T2	1,000,000	10,000,000
18	Chấn lưu cao áp		400W/220VAC	Chiếc	16	CS nhà máy, Đ. Ó	300,000	4,800,000
19	Chấn lưu cao áp		150W/220VAC	Chiếc	45	CS nhà máy, Đ. Ó	250,000	11,250,000
21	Chổi than máy phát	D172	25x32x60	Chiếc	100	Chổi than MF	300,000	30,000,000
22	Dây điện	2x2.5	Cu/PVC/PVC	Mét	500	Phục vụ sửa chữa	15,000	7,500,000
23	Đầu cốt các loại	16-150		Chiếc	100	Phục vụ sửa chữa	20,000	2,000,000
24	Đèn tín hiệu xanh, đỏ, vàng	LED/22mm	220VAC	Chiếc	20	Thay thế đèn hỏng	50,000	1,000,000
25	Đèn tín hiệu xanh, đỏ, vàng	LED/22mm	24VDC	Chiếc	20	Thay thế đèn hỏng	50,000	1,000,000
26	Hộp bộ relay	REC 670	Bảo vệ MBA	Bộ	1	Bảo vệ MBA T1	300,000,000	300,000,000
27	Khởi động đèn cao áp		400W/220VAC <sub>1</sub>	Chiếc	50	CS nhà máy, Đ. Ó	100,000	5,000,000



TT	TÊN GỌI	MÃ HIỆU	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	NƠI LẮP ĐẶT	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
28	Màn hình hiển thị	H1061	220VAC	Chiếc	1	LCU5 - line 1	20,000,000	20,000,000
29	Màn hình hiển thị	WP 40	220VAC	Chiếc	2	Khí nén AST	10,000,000	20,000,000
30	Màn hình kích từ	TPC1261H-3	12In/24VDC	Chiếc	2	Tủ kích từ H1+H3	50,000,000	100,000,000
31	Màn hình tủ nạp DC	EK-04C	24VDC	Chiếc	2	Tủ nạp DC	25,000,000	50,000,000
32	Màn hình van cầu	B05S100	24VDC	Chiếc	2	Van cầu H2	25,000,000	50,000,000
33	Máy cắt	RMW2	1600/3	Bộ	1	Tự dùng AC 133	100,000,000	100,000,000
34	Máy đo dung lượng Aqvi	Midtronics CTA 4000		Chiếc	1	Thiết bị kiểm tra	50,000,000	50,000,000
35	Máy đo điện trở tiếp xúc			Chiếc	1	Thiết bị kiểm tra	50,000,000	50,000,000
36	Tranduicer W/Var	4-12-20mA	24VDC	Chiếc	2	Tủ LCU5	20,000,000	40,000,000
	<b>Cộng</b>							<b>1,944,995,000</b>
<b>II</b>								
	<b>Thiết bị cơ khí</b>							
1	Bu lông thép trắng	1ecu+2ldb+1ldv	M 12X1,75X50	Chiếc	300	Thay thế trạm 110KV	20,000	6,000,000
2	Đồng hồ áp lực		15MPA	Chiếc	5	Máy điều tốc H1,2,3	1,000,000	5,000,000
3	Giăng chỉ		5mm	Mét	50	Thay thế gioăng hỏng	20,000	1,000,000
4	Giăng chỉ		6mm	Mét	100	Thay thế gioăng hỏng	20,000	2,000,000
5	Giăng chỉ		8mm	Mét	100	Thay thế gioăng hỏng	20,000	2,000,000
6	Giăng chỉ		10mm	Mét	100	Thay thế gioăng hỏng	20,000	2,000,000
7	Má phanh ro to		250x200x3	Chiếc	4	Dự phòng	500,000	2,000,000
8	Vòng bi	6013		Chiếc	3	HT Nước kỹ thuật	2,000,000	6,000,000
9	Vòng bi	6017		Chiếc	3	HT Nước kỹ thuật	2,000,000	6,000,000
10	Vòng bi	6009		Chiếc	12	Máy điều tốc	500,000	6,000,000
	<b>Cộng</b>							<b>38,000,000</b>
<b>III</b>								
	<b>Công cụ, dụng cụ</b>							
1	Bảng dính cách điện			Cuộn	200	Sửa chữa	10,000	2,000,000
2	Bảng tan			Cuộn	100	Sửa chữa	2,000	200,000
3	Bia amiang		1mm	M2	5	Giăng chèn SC	200,000	1,000,000
4	Bình oxy			Bình	20	Sửa chữa	300,000	6,000,000
5	Còn công nghiệp			Lít	30	Vệ sinh	20,000	600,000
6	Dầu diesel			Lít	300	VS+MF	20,000	6,000,000
7	Dầu máy 4T			Can	5	HT khí nén	500,000	2,500,000
8	Dầu thủy lực		X46	Lít	1000	Dự phòng	40,000	40,000,000
9	Dây thùng			Mét	100	Sửa chữa	50,000	5,000,000

455  
CP  
2  
T.L.A.N



TT	TÊN GỌI	MÃ HIỆU	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	NƠI LẮP ĐẶT	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
10	Đá cắt	D100		Viên	100	Sửa chữa	15,000	1,500,000
11	Đá cắt	D150		Viên	100	Sửa chữa	15,000	1,500,000
12	Đá mài	D100		Viên	100	Sửa chữa	15,000	1,500,000
13	Đá mài	D150		Viên	100	Sửa chữa	15,000	1,500,000
14	Đá mài bóng	D100		Viên	50	Sửa chữa	15,000	750,000
15	Đĩa cắt	D300		Viên	10	Sửa chữa	250,000	2,500,000
16	Giấy ráp	400+800		Tờ	200	Sửa chữa	500	100,000
17	Giẻ lau			Kg	500	Sửa chữa	5,000	2,500,000
18	Kéo chịu dầu			Hộp	20	Sửa chữa	50,000	1,000,000
19	Kéo silicol			Hộp	20	Sửa chữa	35,000	700,000
20	Kìm cắt			Chiếc	4	Sửa chữa	50,000	200,000
21	Kìm tuốt dây			Chiếc	2	Sửa chữa	50,000	100,000
22	Kìm vụn nắn			Chiếc	2	Sửa chữa	50,000	100,000
23	Kle các loại			Chiếc	10	Sửa chữa	50,000	500,000
24	Mũi khoan các loại			Chiếc	100	Sửa chữa	15,000	1,500,000
25	Mũi tua vít			Chiếc	10	Sửa chữa	15,000	150,000
26	Que hàn các loại			Kg	100	Sửa chữa	50,000	5,000,000
27	Sơn các loại			Kg	50	Sơn lại các thiết bị	30,000	1,500,000
28	Vải xô sạch			Kg	50	Vệ sinh	50,000	2,500,000
29	Xăng		A92	Lít	120	VS+MF	20,000	2,400,000
	<b>Cộng</b>							<b>90,800,000</b>
	<b>Tổng cộng</b>							<b>2,073,795,000</b>

Phụ lục 10

Hồi tố lại giá bán điện sau khi điều chỉnh giá bán điện NMTĐ Sử Pán 2

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Giá trị tính toán
<b>I</b>	<b>Phần tăng tính theo sản lượng điện thiết kế</b>	<b>tỷ đồng/năm</b>	<b>6.33</b>
-	Sản lượng điện theo Thiết kế Eo:	triệu kWh/năm	140.77
-	Giá điện theo hợp đồng đang thực hiện:	đồng/kWh	805.00
-	Giá điện sẽ đạt được sau đàm phán và trừ giá OM 80đ/kWh	đồng/kWh	850.00
-	Giá điện tăng sau đàm phán	đồng/kWh	45.00
-	Doanh thu hàng năm tăng khi có giá điện mới	tỷ đồng	6.33
<b>II</b>	<b>Phần tăng do được hồi tố theo Qc đã phát từ đầu</b>	<b>tỷ đồng/năm</b>	<b>2.06</b>
1	<i>Phần hồi tố Qc1</i>		
-	Sản lượng điện phát từ đầu đến 30/5/2015	triệu kWh	424.60
-	giá điện từ đầu đến 30/5/2015	đồng/kWh	688.84
-	Giá điện sau đàm phán mới	đồng/kWh	850.00
-	Giá điện tăng sau đàm phán	đồng/kWh	161.16
-	Doanh thu tăng khi có giá điện mới	tỷ đồng	68.43
2	<i>Phần hồi tố Qc2</i>		
-	Sản lượng điện phát từ 1/6/2015 đến 11/2/2018	triệu kWh	410.60
-	giá điện từ 1/6/2015 đến 11/2/2018	đồng/kWh	831.20
-	Giá điện sau đàm phán mới	đồng/kWh	850.00
-	Giá điện tăng sau đàm phán	đồng/kWh	18.80
-	Doanh thu tăng khi có giá điện mới	tỷ đồng	7.72
3	<i>Phần hồi tố Qc3</i>		
-	Sản lượng điện phát từ 11/2/2018 đến 1/7/2018	triệu kWh	38.00
-	Giá điện từ 11/2/2018 đến 1/7/2018	đồng/kWh	805.00
-	Giá điện sau đàm phán mới	đồng/kWh	850.00
-	Giá điện tăng sau đàm phán	đồng/kWh	45.00
-	Doanh thu tăng khi có giá điện mới	tỷ đồng	1.71
4	<b>Tổng cộng(1+2+3)</b>	<b>tỷ đồng</b>	<b>70.07</b>